

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30-06-2020

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phát Lộc

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Châu Văn Bằng
2. Ông Nguyễn Văn Trương

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 30 tháng 06 năm 2020, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2020/TLST-HNGĐ ngày 13/05/2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 05 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2020/QĐ – HNGĐ ngày 15 tháng 06 năm 2020 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Tuyết N, sinh năm: 1971 (có mặt)

Địa chỉ: ấp PT, thị trấn NS, huyện CT, tỉnh Hậu Giang

Bị đơn: Anh Huỳnh Thanh H, sinh năm: 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp PT, xã PH, huyện CT, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn ngày 11/05/2020, quá trình tố tụng và tại tòa hôm nay, nguyên đơn Chị Bùi Thị Tuyết N trình bày:

Chị Bùi Thị Tuyết N và anh Huỳnh Thanh H qua tìm hiểu tự được sự đồng ý của hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào ngày 26/03/1987 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, Chị Tuyết N và anh H chung sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh, chị bất đồng quan

điểm sống nên đã sống ly thân từ khoảng năm 1991 đến nay. Nay chị Tuyết N yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị Tuyết N và anh H là vợ chồng.

Về con chung; Tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Huỳnh Thanh H trình bày: Anh H thống nhất về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, nợ chung và về thời gian sống ly thân như chị Tuyết N trình bày. Nay chị Tuyết N yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị Tuyết N và anh H là vợ chồng, anh H thống nhất.

Về con chung; Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị anh Huỳnh Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Thị Tuyết N và anh Huỳnh Thanh H qua tìm hiểu tự được sự đồng ý của hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào ngày 26/03/1987 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống với nhau chị Tuyết N và anh H có đầy đủ các điều kiện về kết hôn theo quy định nhưng chị Tuyết N và anh H không đăng ký kết hôn nên về mặt pháp luật không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Nay chị Tuyết N yêu cầu giải quyết không công nhận chị Tuyết N và anh H là vợ chồng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận chị Tuyết N và anh H là vợ chồng

[3] Về con chung; Tài sản chung; Nợ chung: Các đương sự khai không có, không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Bùi Thị Tuyết N và anh Huỳnh Thanh H là vợ chồng

2. Về con chung; tài sản chung; nợ chung: Các đương sự khai không có, không ai yêu cầu nên không đề cập xem xét.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Bùi Thị Tuyết N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0003950 ngày 13/05/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị Tuyết N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THA huyện Châu Thành;
- UBND xã (để theo dõi);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Phát Lộc